

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM HỌC 2024 -2025**

**I. THÔNG TIN CHUNG:**

**1. Tên trường: THCS Bồ Đề**

**2. Địa chỉ: Số 135 – Phố Hoàng Như Tiếp – Phường Bồ Đề – quận Long Biên – Hà Nội**

**3. Loại hình: Công lập**

**4. Tầm nhìn, sứ mệnh:**

**4.1. Tầm nhìn**

Trở thành trường THCS được phụ huynh và học sinh lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới thành tích cao trong sự phát triển và không ngừng hoàn thiện về trí tuệ và nhân phẩm.

**4.2 Sứ mệnh**

Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có dân chủ, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực sẵn có của từng cá nhân.

**5. Quá trình hình thành và phát triển:**

Trường thành lập năm 1966 cho đến nay đã được 58 năm. Nhiều năm liền trường đạt danh hiệu Trường Tiên tiến; Năm 2009 trường được khánh thành với quy mô là 15 phòng học và được công nhận đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1. Năm 2020 nhà trường đã được quận quan tâm đầu tư, sửa chữa nâng cấp với quy mô là 32 phòng học và 9 phòng chức năng; trong đó 15 phòng học văn hóa được trang bị đầy đủ bàn ghế máy móc thiết bị đầy đủ. Năm 2022 Nhà trường được UBND Thành phố Hà Nội ra Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 26/09/2022 công nhận trường “Đạt chuẩn Quốc Gia - Mức 1”.

Trường có 20 phòng học; 10 phòng chức năng, đa năng; 01 nhà thể chất.

**6. Thông tin người đại diện hợp pháp:**

Họ tên: Lý Thị Như Hoa

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ làm việc: Trường THCS Bồ Đề Số 135 – Phố Hoàng Như Tiếp – Phường Bồ Đề – quận Long Biên – Hà Nội



- SĐT: 0945.238.988

- Email: nhuhoaly1970@gmail.com

### **7. Tổ chức bộ máy:**

a. Quyết định thành lập trường số: Quyết định số 84/QĐ-UB ngày 01/07/2025 v/v tổ chức lại các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở thuộc UBND phường Bồ Đề.

b. Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số: Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 v/v bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng số: Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 v/v bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

- Họ tên, chức vụ của người lãnh đạo:

- Họ tên: Lý Thị Như Hoa

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ làm việc: Trường THCS Bồ Đề Số 135 – Phố Hoàng Như Tiếp – Phường Bồ Đề – quận Long Biên – Hà Nội

- SĐT: 0945.238.988

Email: nhuhoaly1970@gmail.com

### **8. Các văn bản khác của nhà trường:**

- Chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 số: 179/THCSBĐ ngày 04/10/2021

- Hồ sơ quy chế dân chủ:

+ Quyết định số 198/QĐ-THCSBĐ ngày 18/10/2023 ban hành Quy chế dân chủ

+ Quyết định số 278/QĐ-THCSTT ngày 16/10/2023 ban hành Quy chế quản lý và sử dụng quỹ phúc lợi của nhà trường

+ Quy chế chi tiêu nội bộ

+ Quyết định số 182/QĐ-THCSBĐ ngày 10/10/2023 ban hành Quy chế phối hợp giữa BCH công đoàn và BGH nhà trường

+ Quyết định số 177/QĐ-THCSBĐ ngày 10/10/2023 ban hành Quy chế thi đua khen thưởng

+ Quyết định số 178/QĐ-THCSBĐ ngày 10/10/2023 ban hành Quy trình tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại.

Tất cả các văn bản trên đều được công khai trên website nhà trường.



## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN (biên chế)

| STT | Nội dung                                       | Tổng số                 | Trình độ đào tạo |                        |    |    |    |         | Hạng chức danh nghề nghiệp |         |        | Chuẩn nghề nghiệp GV |     |     |          |
|-----|------------------------------------------------|-------------------------|------------------|------------------------|----|----|----|---------|----------------------------|---------|--------|----------------------|-----|-----|----------|
|     |                                                |                         | TS               | ThS                    | ĐH | CD | TC | Dưới TC | Hạng III                   | Hạng II | Hạng I | Tốt                  | Khá | Đạt | Chưa đạt |
|     | Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên |                         |                  |                        |    |    |    |         |                            |         |        |                      |     |     |          |
| I   | Giáo viên<br>Trong đó số giáo viên dạy môn:    | 29<br>(01 GV biệt phái) |                  | 5<br>(01 GV biệt phái) | 24 |    |    |         | 19                         | 9       |        | 1                    | 28  |     |          |
| 1.  | Toán                                           | 6                       |                  |                        | 6  |    |    |         | 5                          | 1       |        |                      | 6   |     |          |
| 2.  | KHTN                                           | 6                       |                  | 1                      | 5  |    |    |         | 2                          | 4       |        |                      | 6   |     |          |
| 3.  | Công nghệ                                      | 0                       |                  |                        |    |    |    |         |                            |         |        |                      |     |     |          |
| 4.  | Tin học                                        | 0                       |                  |                        |    |    |    |         |                            |         |        |                      |     |     |          |
| 5.  | Văn                                            | 5                       |                  | 1                      | 4  |    |    |         | 2                          | 3       |        | 1                    | 4   |     |          |
| 6.  | Lịch sử & Địa lý                               | 3                       |                  |                        | 3  |    |    |         | 3                          |         |        |                      | 3   |     |          |
| 7.  | Anh                                            | 4                       |                  | 2                      | 2  |    |    |         | 4                          |         |        |                      | 4   |     |          |
| 8.  | GDCD                                           | 0                       |                  |                        |    |    |    |         |                            |         |        |                      |     |     |          |
| 9.  | Nhạc                                           | 1                       |                  |                        | 1  |    |    |         |                            | 1       |        |                      | 1   |     |          |
| 10. | GDTC                                           | 2                       |                  |                        | 2  |    |    |         | 2                          |         |        |                      | 2   |     |          |
| 11. | Mỹ thuật                                       | 1                       |                  |                        | 1  |    |    |         | 1                          |         |        |                      | 1   |     |          |
| 12. | Tổng phụ trách                                 | 0                       |                  |                        |    |    |    |         |                            |         |        |                      |     |     |          |
| II  | Cán bộ quản lý                                 | 2                       |                  |                        | 2  |    |    |         |                            | 1       | 1      |                      | 2   |     |          |
| 1   | Hiệu trưởng                                    | 1                       |                  |                        | 1  |    |    |         |                            |         | 1      |                      | 1   |     |          |
| 2   | Phó hiệu trưởng                                | 1                       |                  |                        | 1  |    |    |         |                            | 1       |        |                      | 1   |     |          |
| III | Nhân viên                                      | 4                       |                  |                        | 2  | 2  |    |         | 1                          |         |        |                      |     |     |          |

+ Số lượng tiêu chí không đạt 0/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt 14/20 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 70%;

+ Số lượng tiêu chí không đạt 6/20 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 20%;

Căn cứ vào cấp độ kết quả kiểm định chất lượng giáo dục theo Điều 31 Quy định về quy trình và chu kì kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông ban hành theo Thông tư 18/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT, nhà trường đã đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, chuẩn Quốc gia Mức độ 1.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

### 1. Thông tin về HS:

- Tổng số HS: 830/20 lớp, bình quân: 41.5 HS/ lớp
- Số HS học 2 buổi/ngày: 457 HS.
- Số HS ăn bán trú: 350 HS.
- Số trẻ em được theo dõi sức khoẻ: 830 HS
- số trẻ em hoà nhập: 06 HS.

### 2. Kết quả giáo dục đại trà:

\* Kết quả xếp loại học lực HS như sau:

| STT | Lớp              | Tổng số HS | KẾT QUẢ HỌC TẬP |       |     |       |     |       |     | Tỉ lệ |
|-----|------------------|------------|-----------------|-------|-----|-------|-----|-------|-----|-------|
|     |                  |            | TỐT             |       | KHÁ |       | ĐẠT |       | KXL |       |
|     |                  |            | SL              | Tỉ lệ | SL  | Tỉ lệ | SL  | Tỉ lệ |     |       |
| 1   | TỔNG TOÀN TRƯỞNG | 824        | 451             | 54,73 | 299 | 36,29 | 74  | 8,98  |     |       |
| 2   | TỔNG KHỐI 6      | 213        | 122             | 57,28 | 72  | 33,8  | 19  | 8,98  |     |       |
| 3   | TỔNG KHỐI 7      | 242        | 135             | 57,02 | 82  | 33,88 | 22  | 9,09  |     |       |
| 4   | TỔNG KHỐI 8      | 212        | 112             | 52,83 | 78  | 36,79 | 22  | 10,38 |     |       |
| 5   | TỔNG KHỐI 9      | 157        | 79              | 50,32 | 67  | 42,68 | 11  | 7,01  |     |       |



**\* Kết quả xếp loại hạnh kiểm HS như sau:**

| STT | Lớp              | Tổng số HS | KẾT QUẢ RÈN LUYỆN |       |     |       |     |       | Tỉ lệ |     |
|-----|------------------|------------|-------------------|-------|-----|-------|-----|-------|-------|-----|
|     |                  |            | TỐT               |       | KHẢ |       | ĐẠT |       |       | KXL |
|     |                  |            | SL                | Tỉ lệ | SL  | Tỉ lệ | SL  | Tỉ lệ |       |     |
| 1   | TỔNG TOÀN TRƯỞNG | 830        | 828               | 99,76 | 2   | 0,24  | 0   | 0     |       |     |
| 2   | TỔNG KHỐI 6      | 214        | 214               | 100   | 0   | 0     | 0   | 0     |       |     |
| 3   | TỔNG KHỐI 7      | 243        | 243               | 100   | 0   | 0     | 0   | 0     |       |     |
| 4   | TỔNG KHỐI 8      | 215        | 214               | 99,53 | 1   | 0,47  | 0   | 0     |       |     |
| 5   | TỔNG KHỐI 9      | 158        | 157               | 99,37 | 1   | 0,63  | 0   | 0     |       |     |

Tỷ lệ Tốt nghiệp, đỗ vào THPT :

+ Tỷ lệ HS đỗ tốt nghiệp: 100%

+ Tỷ lệ HS đỗ THPT công lập : 85,13%

**3. Kết quả giáo dục môi trường:**

| Năm học   | Cấp quận    |           |          |         |         |       | Cấp Thành phố |           |          |         |         |                                                            | Quốc gia, quốc tế |
|-----------|-------------|-----------|----------|---------|---------|-------|---------------|-----------|----------|---------|---------|------------------------------------------------------------|-------------------|
|           | Tổng số HSG | Giải nhất | Giải nhì | Giải ba | Giải KK | HSG Q | Tổng số HSG   | Giải nhất | Giải nhì | Giải ba | Giải KK | Tổng số                                                    |                   |
| 2023-2024 | 10          | 02        | 02       | 01      | 01      | 04    | 0             | 0         | 0        | 0       | 0       | HCV, 03<br>HCB, 10SX,<br>30 Giải)                          |                   |
| 2024-2025 | 16          | 02        | 02       | 03      | 09      | 16    | 01            | 0         | 0        | 0       | 0       | 36 (02 HCV,<br>07 HCB, 25<br>HCB, 02 giải<br>Khuyến khích) |                   |

*\* Học sinh giỏi TDTT:*

| Năm học   | Cấp quận    |           |          |         | Cấp Thành phố |     |     |     |
|-----------|-------------|-----------|----------|---------|---------------|-----|-----|-----|
|           | Tổng số HSG | Giải Nhất | Giải Nhì | Giải Ba | Tổng số HSG   | HCV | HCB | HCD |
| 2023-2024 | 06          | 01        | 0        | 05      | 01            | 0   | 0   | 01  |
| 2024-2025 | 17          | 01        | 05       | 11      | 01            | 0   | 01  | 0   |

**4. Chất lượng giáo viên:**

**4.1. Giáo viên giỏi:**

| Năm học   | Cấp quận    |           |          |         |         |     | Cấp Thành phố |           |          |         |         |
|-----------|-------------|-----------|----------|---------|---------|-----|---------------|-----------|----------|---------|---------|
|           | Tổng số GVG | Giải nhất | Giải nhì | Giải ba | Giải KK | GVG | Tổng số GVG   | Giải nhất | Giải nhì | Giải ba | Giải KK |
| 2023-2024 | 06          | 0         | 01       | 0       | 0       | 05  | 0             | 0         | 0        | 0       | 0       |
| 2024-2025 | 03          | 0         | 01       | 01      | 0       | 01  | 0             | 0         | 0        | 0       | 0       |

**4.2. Phong trào SKKN:**

| Năm học   | Cấp quận | Cấp Thành phố | Số Quyết định                                            |
|-----------|----------|---------------|----------------------------------------------------------|
| 2023-2024 | 08       | 0             | Số: 2033/QĐ-UBND ngày 29/05/2024 của UBND quận Long Biên |
| 2024-2025 | 05       | 0             | Số: 2124/QĐ-UBND ngày 15/05/2025 của UBND quận Long Biên |

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:**

Ngoài các phong trào thi đua về học tập, nhà trường luôn chú trọng thực hiện các Chi thi, kế hoạch và các phong trào thi đua do các cấp tổ chức, cụ thể như sau:





**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỜNG**  
**TRUNG HỌC CƠ SỞ**  
**BỒ ĐỀ**

**Lý Thị Như Hoa**